TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/KDTM-ST
Ngày: 05/5/2022
Về việc: "Tranh chấp về hợp đồng cung cấp dịch vụ taxi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu H- ơng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**
2. Ông **Vũ Văn Hợp**

- ***Th□ ký phiên tòa:*** Bà **Phan Thị Quyên** - Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Ông **Lâm Sển**- Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2021/TLST-KDTM ngày 07 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng cung cấp dịch vụ taxi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXX-ST, ngày 07 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bệnh viện Đ**

Địa chỉ trước đây: Số nhà X, đường L, khu phố Y, phường V, thành phố R, tỉnh K.

Địa chỉ hiện nay: Số nhà Z, đường N, khu đô thị P, phường A, thành phố R, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang: Ông Phạm Minh H, sinh năm 1962- Chức vụ: Giám đốc Bệnh viện Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của Bệnh viện Đ: Ông Trần Dũng A (Trần D), sinh năm 1953, ngụ tại số nhà H, đường N, thành phố R, tỉnh K - Theo văn bản ủy quyền đề ngày 22/4/2020 của Giám đốc Bệnh viện Đ (BL 35).

2. Bị đơn: **Công ty C**

Địa chỉ: Đường Số F, tổ G, ấp S, xã V, huyện C, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty C: Ông Trần Bá T, sinh năm 1986- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty C.

(Ông D và ông T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2020, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 27/7/2020 của Bệnh viện Đ, bản tự khai của các đương sự, nội dung các phiên hòa giải, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung nh- sau:

* Các đương sự tự nguyện thừa nhận:

Bệnh viện Đ và Công ty C có ký kết Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ taxi số 23/HĐBV ngày 01/6/2017 với nội dung là Bệnh viện Đ cho Công ty C quyền khai thác bãi xe Taxi trong Bệnh viện Đ theo qui định, cụ thể là:

- Cổng cấp cứu Tổng hợp: Chỉ nhận bệnh nhân vào cấp cứu và đậu 01 xe
- Cổng số 2: Khu hành chính (Khu khám bệnh) chỉ nhận bệnh nhân vào khám bệnh
- Cổng số 3: Khu nội B đường Trần Hưng Đạo nối dài được quyền đậu 02 xe taxi
- Khoa Nội B khu Đô thị Phú Cường được quyền đậu 02-04 xe taxi.

Hai bên ký kết và thực hiện Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ taxi số 23/HĐBV tại trụ sở Bệnh viện Đ tại địa chỉ số nhà X, đường L, khu phố Y, phường V, thành phố R, tỉnh K; thời hạn hợp đồng là 03 năm kể từ ngày 01/6/2017 đến ngày 31/5/2020; giá thanh toán phí dịch vụ bến bãi mà Công ty C phải trả cho Bệnh viện Đ là 167.222.222 đồng/tháng; phương thức thanh toán là Công ty C sẽ chuyển khoản cho Bệnh viện Đ mỗi tháng 01 lần từ ngày 10 đến ngày 15 hàng tháng.

Đến ngày 21/3/2018, Công ty C và Bệnh viện Đ đã thống nhất chấm dứt Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ taxi số 23/HĐBV ngày 01/6/2017 theo yêu cầu của Công ty C tại Công văn số 06/NTRG.CV ngày 15/3/2018; hai bên có lập biên bản họp về việc Công ty C xin chấm dứt hợp đồng taxi trước thời hạn vào ngày 21/3/2018.

Tính đến ngày 31/3/2018, Công ty C còn nợ Bệnh viện Đ tổng số tiền thanh toán phí dịch vụ bến bãi từ tháng 6/2017 đến hết tháng 3/2018 là: 167.222.222 đồng/tháng x 10 tháng = 1.672.222.220 đồng. Công ty C đã thanh toán phí dịch vụ bến bãi cho Bệnh viện Đ từ ngày 27/11/2017 đến ngày 04/9/2018 với tổng số tiền là 807.222.220 đồng, còn nợ lại Bệnh viện Đ số tiền thanh toán phí dịch vụ bến bãi là 865.000.000 đồng.

* Ý kiến của ông Trần Dũng A (Người đại diện theo ủy quyền của Bệnh viên Đ):

Bệnh viện Đ không đồng ý trừ số tiền đảm bảo hợp đồng là 180.000.000 đồng mà Bệnh viện Đ đã nhận của Công ty C từ Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Kiên Giang vào tổng số tiền gốc phí dịch vụ bến bãi còn nợ lại là 865.000.000 đồng theo yêu cầu của Công ty C vì Công ty C chậm thanh toán số tiền gốc phí dịch vụ bến bãi còn nợ lại cho Bệnh viện Đ sau khi Bệnh viện Đ và Công ty C chấm dứt Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ taxi số 23/HĐBV ngày 01/6/2017 và

do Công ty C chấm dứt Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ taxi số 23/HĐBV ngày 01/6/2017 trước thời hạn.

Bệnh viện Đ yêu cầu Tòa án:

- Buộc Công ty C phải thanh toán cho Bệnh viện Đ số tiền thanh toán phí dịch vụ bến bãi còn nợ lại là 865.000.000 đồng theo Hợp đồng số 23/HĐBV ngày 01/6/2017 về việc cung cấp dịch vụ taxi giữa Bệnh viện Đ và Công ty C;

- Buộc Công ty C phải thanh toán cho Bệnh viện Đ số tiền lãi kể từ ngày 03/7/2019 đến ngày 21/4/2020, tính tròn là 09 tháng, với lãi suất là 10%/năm, thành tiền là: {(865.000.000 đồng x 10%) : 12 tháng} x 09 tháng = 64.875.000 đồng, Bệnh viện Đ đồng ý giảm cho Công ty C 30% số tiền lãi của tổng số tiền lãi 64.875.000 đồng, còn lại số tiền lãi là 45.412.500 đồng.

Tổng cộng, Công ty C phải thanh toán cho Bệnh viện Đ số tiền gốc và số tiền lãi là: 865.000.000 đồng + 45.412.500 đồng = 910.412.500 đồng. Bệnh viện Đ đồng ý cho Công ty C thanh toán dần số tiền 910.412.500 đồng, mỗi tháng thanh toán 150.000.000 đồng.

* Ý kiến của ông Trần Bá T (Người đại diện theo pháp luật của Công ty C):

Trước khi Công ty C tham gia đấu giá để được thuê mặt bằng của Bệnh viện Đ, Công ty C đã nộp cho Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Kiên Giang số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng (tiền ký quỹ) là 180.000.000 đồng. Sau khi Công ty C trúng đấu giá thì Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Kiên Giang đã nộp đủ số tiền này cho Bệnh viện Đ- là số tiền đảm bảo hợp đồng theo quy định tại mục 2.2 Điều 2 của Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ taxi số 23/HĐBV ngày 01/6/2017. Việc Công ty C xin chấm dứt Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ taxi số 23/HĐBV ngày 01/6/2017 trước thời hạn là có sự đồng ý của Bệnh viện Đ. Do đó, Công ty C yêu cầu được trừ thêm số tiền đảm bảo hợp đồng là 180.000.000 đồng vào tổng số tiền gốc phí dịch vụ bến bãi còn nợ lại là 865.000.000 đồng, số tiền phí dịch vụ bến bãi mà Công ty C còn nợ lại Bệnh viện Đ chỉ còn là 685.000.000 đồng.

Công ty C chỉ đồng ý thanh toán cho Bệnh viện Đ số tiền thanh toán phí dịch vụ bến bãi còn nợ lại là 685.000.000 đồng theo Hợp đồng số 23/HĐBV ngày 01/6/2017 về việc cung cấp dịch vụ taxi giữa Bệnh viện Đ và Công ty C, số tiền lãi của số tiền gốc 685.000.000 đồng và xin Bệnh viện Đ xem xét giảm cho Công ty C số tiền lãi. Số tiền thanh toán phí dịch vụ bến bãi còn nợ lại thì Công ty C xin được thanh toán cho Bệnh viện Đ bằng cách mỗi tháng Công ty C sẽ thanh toán cho Bệnh viện Đ với số tiền là 150.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ phải thanh toán.

* Tại phiên tòa, ông Trần Dũng A, ông Trần Bá T vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến nêu trên.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th- ký phiên tòa và của ng- ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm

Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bệnh viện Đ (Thông qua người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Dũng A), chấp nhận ý kiến của Công ty C (Thông qua người đại diện theo pháp luật là ông Trần Bá T).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Do phát sinh tranh chấp trong việc thanh toán số tiền phí dịch vụ bến bãi theo Hợp đồng số 23/HĐBV ngày 01/6/2017 về việc cung cấp dịch vụ taxi với Công ty C nên Bệnh viện Đ khởi kiện Công ty C tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 21/4/2020; Công ty C có trụ sở tại đường Số F, tổ G, ấp S, xã V, huyện C, tỉnh K. Ngày 15/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang thụ lý vụ án theo thủ tục dân dự số 150/2020/TLST-DS. Ngày 07/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định về việc chuyển thủ tục giải quyết vụ án số 12/2021/QĐST-DS chuyển vụ án dân sự sơ thẩm đã thụ lý số: 150/2020/TLST-DS ngày 15/7/2020 về việc "Tranh chấp về hợp đồng cung cấp dịch vụ taxi" sang thủ tục giải quyết vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2021/TLST-KDTM ngày 07/4/2021 về việc "Tranh chấp về hợp đồng cung cấp dịch vụ taxi" giữa các đương sự có tên nêu trên. Các đương sự đều đồng ý để Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang giải quyết vụ án này. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Công ty C không có yêu cầu phản tố. Do đó, đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng cung cấp dịch vụ taxi" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Bệnh viên Đ:

Tại phiên tòa, ông Trần Dũng A (Người đại diện theo ủy quyền của Bệnh viên Đ) và ông Trần Bá T (Người đại diện theo pháp luật của Công ty C) vẫn giữ nguyên lời trình bày về nội dung tranh chấp, yêu cầu, ý kiến như đã nêu trên. Ông Trần Dũng A không đồng ý trừ số tiền đảm bảo hợp đồng là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) mà Bệnh viện Đ đã nhận của Công ty C từ Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Kiên Giang vào ngày 29/5/2017 (BL 116) vào tổng số tiền gốc phí dịch vụ bến bãi còn nợ lại là 865.000.000 đồng theo yêu cầu của Công ty C với lý do Công ty C chậm thanh toán số tiền gốc phí dịch vụ bến bãi còn nợ lại cho Bệnh viện Đ sau khi Bệnh viện Đ và Công ty C chấm dứt Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ taxi số 23/HĐBV ngày 01/6/2017 và do Công ty C chấm dứt Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ taxi số 23/HĐBV ngày 01/6/2017 trước thời hạn.

Sau khi xem xét hồ sơ vụ án, Tòa án xét rằng:

Trước khi tham gia đấu giá để được thuê mặt bằng bãi xe taxi của Bệnh viện Đ thì vào ngày 08/5/2017, Công ty C đã nộp cho Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Kiên Giang số tiền ký quỹ (Còn gọi là số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng) là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) theo đúng quy định của Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Kiên Giang và Bệnh viện Đ (BL 04-12, 104). Ngày 10/5/2017, Công ty C trúng đấu giá (BL 13-15). Ngày 29/5/2017, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Kiên Giang đã gửi cho Bệnh viện Đ số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Công ty C (BL 116). Ngày 01/6/2017, Bệnh viện Đ và Công ty C ký kết Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ taxi số 23/HĐBV (BL 16-18) với nội dung như đã nêu trên.

Trước khi chấm dứt Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ taxi số 23/HĐBV ngày 01/6/2017 trước thời hạn thì Công ty C đã gửi cho Bệnh viện Đ Công văn số 06/NTRG.CV ngày 15/3/2018 về việc xin thanh lý hợp đồng trước thời hạn (BL 22) và việc Công ty C xin chấm dứt Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ taxi số 23/HĐBV ngày 01/6/2017 trước thời hạn là có được sự đồng ý của Bệnh viện Đ thể hiện tại "Biên bản họp về việc Công ty C xin chấm dứt hợp đồng taxi trước thời hạn" vào ngày 21/3/2018 (BL 23-25). Do đó, Công ty C không tự ý chấm dứt Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ taxi số 23/HĐBV ngày 01/6/2017 trước thời hạn và hoàn toàn không có lỗi trong việc chấm dứt Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ taxi số 23/HĐBV ngày 01/6/2017 trước thời hạn.

Việc Công ty C chậm thanh toán số tiền gốc phí dịch vụ bến bãi còn nợ lại cho Bệnh viện Đ sau khi Bệnh viện Đ và Công ty C chấm dứt Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ taxi số 23/HĐBV ngày 01/6/2017 thì Công ty C phải chịu chế tài là phải chịu thanh toán thêm khoản tiền lãi của khoản tiền phí dịch vụ bến bãi còn phải thanh toán cho Bệnh viện Đ.

Vì vậy, qua thảo luận và nghị án, Tòa án thống nhất trừ số tiền đảm bảo hợp đồng (Còn gọi là số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng- tiền ký quỹ) là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) mà Bệnh viện Đ đã nhận của Công ty C từ Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Kiên Giang vào tổng số tiền gốc phí dịch vụ bến bãi mà Công ty C còn nợ lại Bệnh viện Đ là 865.000.000 đồng, nên số tiền gốc phí dịch vụ bến bãi mà Công ty C còn nợ lại Bệnh viện Đ là 685.000.000đ (Sáu trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Và buộc Công ty C phải thanh toán cho Bệnh viện Đ số tiền lãi kể từ ngày 03/7/2019 đến ngày 21/4/2020, tính tròn là 09 tháng, với lãi suất là 10%/năm, thành tiền là: {(685.000.000 đồng x 10%) : 12 tháng} x 09 tháng = 51.375.000đ (Năm mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng); ghi nhận sự tự nguyện của Bệnh viện Đ (Thông qua ý kiến của người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Dũng A) đồng ý giảm cho Công ty C 30% số tiền lãi của tổng số tiền lãi

51.375.000 đồng, tương đương với số tiền 15.412.500 đồng, còn lại số tiền lãi là 35.962.500đ (Ba mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng).

Tổng cộng, Công ty C phải thanh toán phí dịch vụ bến bãi còn nợ lại cho Bệnh viện Đ sau khi Bệnh viện Đ và Công ty C chấm dứt Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ taxi số 23/HĐBV ngày 01/6/2017 với số tiền gốc và số tiền lãi là: 685.000.000 đồng + 35.962.500 đồng = 720.962.500đ (Bảy trăm hai mươi triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng).

Về phương thức thanh toán số tiền nêu trên: Ghi nhận sự tự nguyện của Bệnh viện Đ (Thông qua ý kiến của người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Dũng A) đồng ý cho Công ty C thanh toán dần số tiền 720.962.500đ (Bảy trăm hai mươi triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng) bằng cách mỗi tháng thanh toán 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), bắt đầu thanh toán từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi đủ số tiền 720.962.500đ (Bảy trăm hai mươi triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bệnh viện Đ (Thông qua người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Dũng A).

[2] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các khoản 1, 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của □y ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các điểm b, c Tiểu mục 1.4, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Buộc Bệnh viện Đ phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch của số tiền bị bác yêu cầu là: (910.412.500 đồng - 720.962.500 đồng) x 5% = 9.472.500đ (Chín triệu bốn trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm đồng). Khấu trừ số tiền án phí sơ thẩm mà Bệnh viện Đ phải chịu là 9.472.500 đồng vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Bệnh viện Đ đã nộp là 21.675.000đ (Hai mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006421, ngày 10/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, Bệnh viện Đ được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm còn thừa là 12.202.500đ (Mươi hai triệu hai trăm lẽ hai ngàn năm trăm đồng).

Buộc Công ty C phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch của số tiền phải hoàn trả cho Bệnh viện Đ là: 20.000.000 đồng + (320.962.500 đồng x 4%) = 32.838.500đ (Ba mươi hai triệu tám trăm ba mươi tám ngàn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 472, 473, 474, 481, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các khoản 1, 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của □y ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các điểm b, c Tiểu mục 1.4, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Buộc Công ty C phải thanh toán phí dịch vụ bến bãi còn nợ lại cho Bệnh viện Đ sau khi Bệnh viện Đ và Công ty C chấm dứt Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ taxi số 23/HĐBV ngày 01/6/2017 với số tiền gốc và số tiền lãi là 720.962.500đ (Bảy trăm hai mươi triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng).

Về phương thức thanh toán số tiền nêu trên: Ghi nhận sự tự nguyện của Bệnh viện Đ (Thông qua ý kiến của người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Dũng A) đồng ý cho Công ty C thanh toán dần số tiền 720.962.500đ (Bảy trăm hai mươi triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng) bằng cách mỗi tháng thanh toán 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), bắt đầu thanh toán từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi đủ số tiền 720.962.500đ (Bảy trăm hai mươi triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2- Về án phí:

2.1. Buộc Bệnh viện Đ phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 9.472.500đ (Chín triệu bốn trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm đồng).

Khấu trừ số tiền án phí sơ thẩm mà Bệnh viện Đ phải chịu là 9.472.500 đồng vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Bệnh viện Đ đã nộp là 21.675.000đ (Hai mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006421, ngày 10/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, Bệnh viện Đ được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm còn thừa là 12.202.500đ (Mươi hai triệu hai trăm lẽ hai ngàn năm trăm đồng).

2.2. Buộc Công ty C phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 32.838.500đ (Ba mươi hai triệu tám trăm ba mươi tám ngàn năm trăm đồng).

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (05/5/2022).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS h Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu H- ơng